VAI TRÒ CỦA SỨC MẠNH ĐOÀN KẾT TRÍ THỨC TRONG HOẠCH ĐỊNH VÀ THỰC THI CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH

TS. Trần Đức Thuận*

Nghiên cứu này xem xét vai trò của sức mạnh đoàn kết trí thức trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách tài chính của Việt Nam. Trên cơ sở phân tích hệ thống văn bản pháp luật hiện hành kết hợp với phương pháp phỏng vấn sâu các chuyên gia đầu ngành, bài viết làm rõ những đóng góp quan trọng cũng như các nhóm thách thức cốt lõi trong việc huy động đội ngũ trí thức tham gia xây dựng chính sách tài chính. Từ đó, bài viết đề xuất các nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện khung pháp lý, đổi mới phương thức tham vấn và xây dựng hệ sinh thái trí thức nhằm nâng cao chất lượng quản lý tài chính công tại Việt Nam.

• Từ khóa: *đoàn kết trí thức, chính sách tài chính, hoạch định chính sách, thực thi chính sách, Việt Nam, quản lý tài chính công, tham gia của các bên liên quan.*

This study examines the role of intellectual solidarity in the formulation and implementation of Vietnam's financial policies. Drawing on legal documents, expert consultations, and international experiences, it highlights the contributions and challenges of mobilizing intellectuals in policy making. The paper proposes solutions to strengthen consultation mechanisms, enhance transparency, and encourage young intellectual participation, thereby improving the quality and accountability of public financial management.

• Key words: *intellectual solidarity; financial policy; policy formulation; policy implementation; Vietnam; public financial management; stakeholder engagement.*

Ngày nhận bài: 10/10/2025
Ngày gửi phản biện: 21/12/2025
Ngày duyệt đăng: 09/01/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i306.09

Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, tài chính công tại Việt Nam cần chuyển mình thành một công cụ chiến lược để đạt mục tiêu trở thành nước có thu nhập cao. Yếu tố cốt lõi để thực hiện sự đổi mới này chính là nguồn lực trí tuệ, cụ thể là sức mạnh của đoàn kết trí thức trong và ngoài khu vực công. Khái niệm "trí thức" được mở rộng bao gồm chuyên gia, học giả và doanh nhân tri thức, với mục tiêu phối hợp liên ngành, có hệ thống để đóng góp tri thức và đồng kiến tạo chính sách chất lượng cao. Thực tiễn cho thấy, sự tham vấn trí thức hiệu quả mang lại chính sách tài chính chất lượng hơn và nhận được đồng thuận xã hội cao. Tuy nhiên, cơ chế huy động sức mạnh đoàn kết trí thức trong toàn bộ chu trình chính sách tài chính vẫn còn nhiều hạn chế. Sự tham gia của chuyên gia độc lập còn thiếu sâu rộng và các kênh phản biện thường hoạt động không hiệu quả. Vấn đề nghiêm trọng là trí thức thường được mời góp ý rất muộn, khi dự thảo chính sách đã gần hoàn tất, làm giảm giá trị cải thiện thực chất của phản biện, gây lãng phí tiềm năng trí tuệ quốc gia. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu khai thác tối đa sức mạnh đoàn kết trí thức phục vụ hoạch định và thực thi chính sách tài chính. Đây là điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính minh bạch của chính sách tài chính quốc gia, chuyển hóa vốn trí tuệ thành nguồn lực phát triển bền vững cho Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu

Về mặt phương pháp luận, nghiên cứu này lựa chọn phương pháp nghiên cứu định tính (Qualitative Research) làm chủ đạo để tiếp cận vấn đề. Việc lựa chọn hướng tiếp cận định tính được dựa trên mục tiêu khám phá sâu sắc các "điểm nghẽn" và các khía cạnh hành vi, tư duy của các chủ thể vốn khó có thể diễn tả trọn vẹn qua các con số thống kê. Nghiên cứu tập trung vào việc hiểu rõ bản chất của các mối quan hệ, những rào cản vô hình về cơ chế và tâm lý của giới trí thức khi tham gia vào tiến trình chính sách. Để bảo đảm tính khách quan và đa chiều, tác giả thực hiện phân tích nội dung (Content Analysis) đối với 25 văn bản chính sách và báo cáo chiến lược phát triển tài chính quốc gia giai đoạn 2021-2030, nhằm nhận diện những khoảng cách giữa mục tiêu trên văn bản và năng lực thực thi trong thực tế.

Công tác thu thập dữ liệu được thực hiện thông qua phương pháp phỏng vấn sâu (In-depth Interview)

** Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh; email: thuantd@huit.edu.vn*

với 15 chuyên gia đầu ngành. Nhóm chuyên gia này được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu có mục đích, bao gồm các học giả uy tín từ các viện nghiên cứu kinh tế lớn, lãnh đạo các hiệp hội nghề nghiệp có tầm ảnh hưởng, như: Hiệp hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA), Hội Tư vấn Thuế (VTCA), cùng các nhà quản lý đang trực tiếp tham gia vào quy trình soạn thảo văn bản tại các cơ quan nhà nước ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Việc lựa chọn 2 trung tâm kinh tế - chính trị lớn nhất cả nước nhằm đảm bảo tính đại diện cho các góc nhìn đa dạng từ cả phía quản lý vĩ mô lẫn phản hồi từ thị trường.

Toàn bộ dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn và tài liệu văn bản được mã hóa và phân tích theo phương pháp so sánh liên tục (Constant Comparative Method). Đây là một quy trình lặp đi lặp lại nhằm so sánh các mẩu dữ liệu mới với các mẩu dữ liệu cũ để tìm ra sự tương đồng và khác biệt, từ đó hình thành các chủ đề (themes) cốt lõi. Thông qua quy trình mã hóa mở (open coding), mã hóa trục (axial coding) và mã hóa chọn lọc (selective coding), nghiên cứu đã nhận diện và phân loại rõ rệt các nhóm đóng góp cũng như các thách thức mang tính cấu trúc trong việc huy động sức mạnh trí thức. Cách tiếp cận này giúp tác giả xây dựng được một bức tranh thực trạng chân thực, tạo cơ sở vững chắc cho các đề xuất giải pháp ở các phần tiếp theo của bài báo.

Đóng góp và thách thức trong việc huy động đội ngũ trí thức tham gia xây dựng chính sách tài chính

Những đóng góp của đội ngũ trí thức trong chính sách tài chính

Kết quả nghiên cứu định tính khẳng định rằng, sức mạnh đoàn kết và sự tham gia sâu của đội ngũ trí thức không chỉ đơn thuần là hoạt động tham vấn chuyên môn, mà còn mang lại 3 giá trị cốt lõi, tạo nên cấu trúc "kiềng ba chân" vững chắc, bảo đảm tính bền vững cho hệ thống tài chính công Việt Nam.

*Một là, n*âng cao tính chính xác và hàm lượng khoa học thông qua hoạch định dựa trên bằng chứng.

Giá trị tiên phong và mang tính nền tảng nhất là sự chuyển dịch mạnh mẽ từ tư duy hoạch định dựa trên kinh nghiệm hành chính thuần túy sang mô hình hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng (EBPM). Đội ngũ trí thức, với ưu thế tuyệt đối về phương pháp luận nghiên cứu và tư duy hệ thống, đã đóng vai trò là cơ quan kiểm định độc lập, thực hiện nhiệm vụ "giải mã" và thẩm định các giả định chính sách trước khi chúng được ban hành. Bằng việc ứng dụng các mô hình kinh tế lượng tiên tiến và dự báo tài chính phức hợp, như: mô hình cân bằng tổng thể ngẫu nhiên động (DSGE) hay mô hình cân bằng tổng thể khả tính (CGE), các chuyên gia đã cung cấp một lăng kính định lượng sắc bén về những tác động lan tỏa của các công cụ tài chính. Cụ thể, thay vì chỉ xem xét tác động trực tiếp của một sắc thuế hay một mức trần nợ công, trí thức giúp cơ quan soạn thảo nhận diện các biến số tác động đa chiều đến các khu vực kinh tế khác nhau, từ đó thoát khỏi cái nhìn cục bộ, ngắn hạn và tránh được những sai lầm chủ quan trong việc phân bổ nguồn lực quốc gia.

Minh chứng rõ nét nhất trong thực tiễn quản lý tài chính tại Việt Nam thời gian qua chính là quá trình sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước và các đợt cải cách thuế giá trị gia tăng (VAT). Trong bối cảnh nền kinh tế số phát triển bùng nổ, tiếng nói phản biện của đội ngũ trí thức đã chỉ ra những "điểm mù" nghiêm trọng về tình trạng thất thu ngân sách trong giao dịch thương mại điện tử và kinh tế xuyên biên giới. Những phân tích này không chỉ dừng lại ở mức độ cảnh báo mà còn cung cấp các giải pháp kỹ thuật cụ thể, buộc chính sách phải cập nhật các phương thức quản lý nợ công và thu ngân sách linh hoạt hơn. Sự đóng góp này đảm bảo rằng các quy định tài chính của Việt Nam tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế của IMF hay World Bank, qua đó củng cố vững chắc tấm khiên bảo vệ an ninh tài chính quốc gia trước những biến động khó lường của dòng vốn toàn cầu.

Hai là, gia tăng tính khả thi và thiết lập cơ chế "bộ lọc" thực tiễn trong thực thi chính sách.

Giá trị cốt lõi thứ hai mà sự đoàn kết trí thức mang lại là việc kiến tạo một mạng lưới kết nối hữu cơ giữa những lý thuyết hàn lâm khô khan và nhịp đập biến thiên không ngừng của thị trường. Đội ngũ trí thức không chỉ tồn tại trong các viện nghiên cứu, mà còn hiện diện mạnh mẽ trong các hiệp hội nghề nghiệp uy tín, như: Hiệp hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA), Hội Tư vấn Thuế (VTCA) và khối doanh nghiệp tri thức lớn. Chính sự đa dạng này giúp họ đóng vai trò như một "bộ lọc" thực tiễn, có khả năng nhận diện sớm các yếu tố "phi lý tính" hoặc các quy định thiếu tính tương thích ngay từ khi chính sách còn trên bản thảo. Sự tham gia của họ giúp điều tiết các văn bản quy phạm pháp luật sao cho hài hòa giữa mục tiêu quản lý nhà nước và năng lực thực thi của xã hội, từ đó trực tiếp làm giảm thiểu chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và người dân. Một chính sách tài chính dù có lý luận hoàn hảo đến đâu nhưng nếu quá phức tạp hoặc tách rời năng lực quản trị thực tế sẽ vô tình tạo ra các "kẽ hở" cho hành vi trục lợi hoặc gây lãng phí nguồn lực xã hội do quy trình vận hành cồng kềnh.

Bên cạnh đó, đội ngũ trí thức còn vận hành hiệu quả như một "bộ cảm biến" chiến lược, giúp nhà nước dự báo chính xác các phản ứng ngược từ phía thị trường khi triển khai các công cụ tài chính mới. Trong các giai đoạn nhạy cảm như thắt chặt chính sách tiền tệ, điều chỉnh lãi suất hay thắt chặt tín dụng, những phản hồi sớm từ cộng đồng trí thức giúp các nhà hoạch định chính sách điều chỉnh liều lượng và thời điểm can thiệp một cách nhịp nhàng. Điều này có ý nghĩa sống còn trong việc giảm thiểu rủi ro hệ thống và ngăn chặn các hệ lụy tiêu cực ngoài ý muốn có thể dẫn đến sự đình trệ sản xuất hoặc khủng hoảng niềm tin trên thị trường tài chính. Khả năng kết nối giữa tri thức chuyên gia và thực tiễn thị trường chính là chìa khóa để biến các văn bản pháp lý thành những công cụ thúc đẩy kinh tế thực chất.

Ba là, hình thành cơ chế bảo chứng và nền tảng kiến tạo niềm tin xã hội bền vững. Giá trị thứ ba, mang tính chiều sâu xã hội, chính là việc đội ngũ chuyên gia uy tín đóng vai trò như một cơ chế bảo chứng độc lập cho tính chính danh và sự minh bạch của chính sách. Trong lĩnh vực tài chính công, niềm tin không chỉ là một khái niệm trừu tượng mà là một loại tài sản vô hình có giá trị quyết định đến hiệu lực thực tế của mọi quyết sách. Do chính sách tài chính thường liên quan mật thiết đến việc tái phân bổ nguồn lực quốc gia, nó luôn tiềm ẩn nguy cơ nảy sinh xung đột lợi ích giữa các tầng lớp và nhóm xã hội khác nhau. Khi một phương án tài chính được thẩm định, phản biện và "đóng dấu" bởi những trí thức có tâm và có tầm, nó sẽ mang lại một sắc thái công tâm và khách quan tuyệt đối. Điều này giúp các chủ thể trong nền kinh tế tin tưởng rằng quyền lợi của họ đã được cân nhắc thấu đáo dựa trên nền tảng lợi ích tổng thể của quốc gia chứ không bị chi phối bởi bất kỳ lợi ích nhóm cục bộ nào.

Sự tiếp thu nghiêm túc các ý kiến trí thức từ phía Chính phủ còn tạo ra "vốn xã hội" quý giá, giúp chuyển hóa quá trình thực thi chính sách từ cơ chế cưỡng chế hành chính sang cơ chế tự nguyện tuân thủ. Khi mức độ chấp nhận của người dân và cộng đồng doanh nghiệp tăng lên, chi phí vận hành bộ máy và chi phí giám sát thực thi sẽ giảm xuống đáng kể, nhường chỗ cho sự đồng thuận và hiệp lực phát triển. Sự tham gia của trí thức vì vậy không chỉ là sự đóng góp về mặt kỹ thuật, mà còn là nhịp cầu niềm tin, giúp hóa giải các xung đột lợi ích tiềm tàng và hướng tới một nền tài chính quốc gia minh bạch, trách nhiệm và nhân văn. Đây chính là yếu tố then chốt để Việt Nam xây dựng một hệ thống quản trị tài chính hiện đại, nơi mà trí tuệ tập thể trở thành động lực dẫn dắt sự thịnh vượng bền vững.

Một số thách thức

Thứ nhất, kết quả phỏng vấn chuyên gia cho thấy, thời điểm tham vấn trí thức trong quy trình xây dựng chính sách tài chính hiện nay vẫn còn thiên về giai đoạn hoàn thiện dự thảo. Trong nhiều trường hợp, các ý kiến phản biện khoa học được tiếp nhận khi khung chính sách và các định hướng cơ bản đã tương đối ổn định, khiến khả năng điều chỉnh các nội dung mang tính nền tảng còn hạn chế. Điều này phần nào làm giảm hiệu quả của hoạt động tham vấn, đồng thời ảnh hưởng đến mức độ gắn kết và chủ động tham gia của đội ngũ trí thức trong toàn bộ chu trình chính sách.

Thứ hai, một thách thức khác được nhiều chuyên gia đề cập là mức độ minh bạch thông tin và khả năng tiếp cận dữ liệu phục vụ nghiên cứu còn chưa đồng đều giữa khu vực quản lý nhà nước và cộng đồng nghiên cứu. Đối với các lĩnh vực tài chính có tính chuyên môn cao như quản lý nợ công, cải cách thuế hay phân bổ ngân sách, việc thiếu các dữ liệu chi tiết và cập nhật có thể khiến hoạt động phản biện chủ yếu dựa trên nguồn thông tin thứ cấp hoặc các báo cáo tổng hợp. Điều này làm hạn chế khả năng triển khai các phân tích định lượng chuyên sâu, từ đó ảnh hưởng đến sức thuyết phục và tính thực chứng của các luận cứ khoa học.

Thứ ba, cơ chế phối hợp và lựa chọn chuyên gia tham gia phản biện chính sách hiện nay vẫn còn mang tính tập trung nhất định. Việc tham vấn chủ yếu diễn ra thông qua một số tổ chức hoặc nhóm chuyên gia quen thuộc có thể dẫn đến sự hạn chế về tính đa dạng trong góc nhìn phân tích. Bên cạnh đó, sự tham gia của trí thức trẻ, trí thức kiều bào và các chuyên gia đến từ khu vực kinh tế tư nhân vẫn chưa thực sự phổ biến, khiến việc tiếp cận các xu hướng mới trong quản trị tài chính công, như tài chính xanh hay chuyển đổi số trong tài chính, còn gặp những giới hạn nhất định.

Thứ tư, cơ chế phản hồi và theo dõi ý kiến sau tham vấn chưa được triển khai một cách hệ thống. Trong nhiều trường hợp, các ý kiến đóng góp của giới trí thức chưa nhận được phản hồi rõ ràng về mức độ tiếp thu hoặc lý do điều chỉnh, dẫn đến việc khó đánh giá hiệu quả thực tế của hoạt động phản biện. Điều này có thể ảnh hưởng đến động lực tham gia lâu dài của đội ngũ chuyên gia, đồng thời làm giảm khả năng hình thành một môi trường đối thoại học thuật cởi mở và liên tục trong quá trình xây dựng chính sách tài chính.

Một số khuyến nghị

Từ những phân tích về thực trạng đóng góp và các rào cản mang tính hệ thống đã nêu, nghiên cứu khẳng định rằng để khai thác tối ưu sức mạnh đoàn kết trí thức trong hoạch định chính sách tài chính, Việt Nam cần thực hiện một cuộc cách mạng về tư duy quản trị công.

Một là, sự thay đổi mạnh mẽ phải bắt đầu từ việc chuyển đổi tri thức quản lý, từ mô hình "quản lý dựa trên mệnh lệnh" hành chính đơn thuần sang mô hình "hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng và tham vấn đa chiều". Trong bối cảnh các biến số kinh tế vĩ mô ngày càng phức tạp, việc chỉ dựa vào năng lực của bộ máy hành chính là chưa đủ; cơ quan quản lý nhà nước cần coi trí thức là những "người đồng kiến tạo" (co-creators) thay vì chỉ là đối tượng lấy ý kiến mang tính thủ tục. Sự thay đổi này đòi hỏi các cơ quan soạn thảo phải chuyển đổi triệt để phương thức tiếp cận, từ tham vấn đóng sang tham vấn mở ngay từ giai đoạn hình thành ý tưởng chính sách. Việc mời gọi trí thức tham gia từ khi khung chính sách còn là những định hướng sơ khởi sẽ giúp tận dụng được tư duy phản biện sắc bén, từ đó ngăn chặn những sai lầm chiến lược ngay từ gốc, thay vì chỉ điều chỉnh những chi tiết kỹ thuật nhỏ nhặt khi dự thảo đã hoàn tất.

Hai là, song song với việc đổi mới tư duy, vấn đề cấp thiết hiện nay là chuyên nghiệp hóa hoạt động phản biện thông qua các định chế trung gian độc lập. Nghiên cứu đề xuất Chính phủ cần sớm nghiên cứu và thiết lập mô hình Hội đồng Tài chính độc lập (Fiscal Council) hoặc các Ủy ban Tư vấn chiến lược quốc gia với sự tham gia của các chuyên gia đa ngành từ kinh tế, tài chính đến luật học và xã hội học. Các tổ chức này phải được đảm bảo tính độc lập về chuyên môn và có quyền hạn tiếp cận các nguồn tin cần thiết để đưa ra những báo cáo đánh giá tác động khách quan, trung thực. Đây chính là mô hình mà các quốc gia tiên tiến như Hàn Quốc hay Singapore đã áp dụng thành công để kiểm soát rủi ro chính sách và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công. Sự hiện diện của các định chế này sẽ tạo ra một bộ lọc tri thức chất lượng cao, giúp các quyết sách tài chính không bị chi phối bởi tư duy cục bộ hay lợi ích nhóm.

Ba là, một trong những điểm nghẽn lớn nhất khiến giới trí thức chưa mặn mà với việc đóng góp chính sách là sự thiếu vắng cơ chế phản hồi. Do đó, cần thiết phải luật hóa trách nhiệm giải trình của các cơ quan soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật. Các ý kiến đóng góp của trí thức, dù được tiếp thu hay không, đều phải được tổng hợp, phân loại và công khai lý do giải trình một cách minh bạch trên các cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Chính phủ. Việc thiết lập "vòng phản hồi" hai chiều này không chỉ giúp nâng cao chất lượng văn bản, mà còn là hình thức tôn trọng cao nhất đối với chất xám của đội ngũ trí thức, giúp họ thấy được giá trị thực tế từ những lao động trí tuệ của mình. Khi trách nhiệm giải trình được thực thi nghiêm túc, tính minh bạch của nền tài chính công sẽ được cải thiện, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của quốc gia.

Bốn là, về mặt hạ tầng kỹ thuật, nghiên cứu đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng hệ sinh thái dữ liệu mở (Open Data) về tài chính công. Trong kỷ nguyên kinh tế số, dữ liệu là "nhiên liệu" cho các phân tích khoa học. Nếu giới trí thức không được tiếp cận với các số liệu thống kê thực tế, kịp thời và đủ chi tiết, thì các phản biện chỉ dừng lại ở mức độ cảm tính hoặc lý thuyết suông. Do đó, Nhà nước cần đầu tư vào hệ thống quản trị dữ liệu tập trung, cho phép các nhà nghiên cứu khai thác thông tin về ngân sách, thuế và đầu tư công dưới các định dạng có thể phân tích được. Điều này không chỉ giúp các bài toán định lượng về tác động chính sách trở nên sắc bén hơn mà còn thúc đẩy văn hóa nghiên cứu dựa trên bằng chứng thực nghiệm trong cộng đồng học thuật Việt Nam.

Cuối cùng, để nuôi dưỡng và phát triển nguồn lực trí tuệ một cách lâu dài, cần phải có cơ chế tài chính linh hoạt và xứng đáng cho hoạt động nghiên cứu chính sách. Nhà nước nên chuyển đổi từ cơ chế cấp phát ngân sách định kỳ sang cơ chế đặt hàng nghiên cứu chiến lược dựa trên kết quả đầu ra. Việc đảm bảo nguồn thù lao xứng đáng, tương xứng với công sức và tâm huyết của các chuyên gia là yếu tố then chốt để ngăn chặn tình trạng "chảy máu chất xám" và khuyến khích giới trí thức tập trung vào các vấn đề lớn của đất nước. Ngoài ra, cần có các quỹ quốc gia dành riêng cho phản biện độc lập nhằm đảm bảo các nhà khoa học không bị áp lực về tài chính khi đưa ra những nhận định trái chiều. Sự đầu tư bài bản vào "vốn trí tuệ" hôm nay chính là khoản đầu tư có lợi nhất để bảo đảm cho sự thịnh vượng và an ninh tài chính của Việt Nam trong tương lai.

Tài liệu tham khảo:

Ban Kinh tế Trung ương (2022). Phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam trong bối cảnh mới, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

Bộ Tài chính (2023). Báo cáo thường niên tài chính - ngân sách.

Quốc hội (2025). Luật Ngân sách Nhà nước, số 89/2025/QH15, ngày 25/6/2025.

OECD (2023). Best practices in engaging financial experts for policy development, OECD Publishing.

World Bank (2022). Fiscal policy reforms and knowledge networks, Washington, DC.